

Số: **32** /2019/QĐ-UBND

Điện Biên, ngày **16** tháng **9** năm 2019

## QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định công nhận, quản lý và phát triển nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống, ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh Điện Biên**

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Căn cứ Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở nông nghiệp và Phát triển nông thôn.*

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định công nhận, quản lý và phát triển nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống, ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày **26** tháng **9** năm 2019 và thay thế Quyết định số 38/2017/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của UBND tỉnh Điện Biên ban hành Quy định công nhận và quản lý nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh; Các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /*lul*

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Bộ Nông nghiệp và PTNT (b/c);
- TT Tỉnh ủy (b/c);
- TT HĐND tỉnh;
- Cục KTVB QPPL - Bộ Tư pháp;
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX, KTN<sub>(NNT)</sub>.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Mùa A Sơn**

**QUY ĐỊNH**

**Công nhận, quản lý và phát triển nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống, ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh Điện Biên**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số: **32** /2019/QĐ-UBND  
ngày **16** / 9 /2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên)

**Chương I  
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định này quy định về công nhận, quản lý và phát triển nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống, ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài trực tiếp đầu tư phát triển sản xuất, dịch vụ ngành nghề nông thôn tại địa bàn nông thôn (sau đây gọi chung là cơ sở ngành nghề nông thôn) bao gồm: Doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ gia đình hoạt động theo quy định của pháp luật.

2. Các nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống được Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định công nhận, có các hoạt động ngành nghề nông thôn quy định tại Điều 3 của Quy định này.

3. Các cơ quan quản lý Nhà nước; các tổ chức, cá nhân có liên quan tới việc công nhận, quản lý và phát triển nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống, ngành nghề nông thôn.

**Điều 3. Các hoạt động ngành nghề nông thôn**

1. Chế biến, bảo quản nông, lâm, thủy sản.
2. Sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ.
3. Xử lý, chế biến nguyên vật liệu phục vụ sản xuất ngành nghề nông thôn.
4. Sản xuất đồ gỗ, mây tre đan, dệt may, sợi, thêu ren, đan lát, cơ khí nhỏ.
5. Sản xuất và kinh doanh sinh vật cảnh.
6. Các dịch vụ phục vụ sản xuất, đời sống dân cư nông thôn.

**Chương II  
CÔNG NHẬN NGHỀ TRUYỀN THỐNG, LÀNG NGHỀ,  
LÀNG NGHỀ TRUYỀN THỐNG**

**Điều 4. Tên của nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống**

Tên của nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống được lấy tên của nghề chính trước và tên của địa phương (Tổ, thôn, bản, làng hoặc địa danh).

Nếu trên địa bàn có nhiều nghề thì tên của nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống được lấy tên của sản phẩm nổi tiếng nhất. Việc đặt tên nghề, làng nghề do tập thể các thành viên hoạt động trong làng nghề và chính quyền địa phương bàn bạc, thống nhất.

### **Điều 5. Tiêu chí công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống**

Tiêu chí công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống thực hiện theo quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 5 Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn, cụ thể:

#### 1. Tiêu chí công nhận nghề truyền thống

Nghề được công nhận là nghề truyền thống phải đạt cả 03 tiêu chí sau:

- a) Nghề đã xuất hiện tại địa phương từ trên 50 năm và hiện đang tiếp tục phát triển tính đến thời điểm đề nghị công nhận.
- b) Nghề tạo ra những sản phẩm mang bản sắc văn hóa dân tộc.
- c) Nghề gắn với tên tuổi của một hay nhiều nghệ nhân hoặc tên tuổi của làng nghề.

#### 2. Tiêu chí công nhận làng nghề

Làng nghề được công nhận phải đạt cả 03 tiêu chí sau:

- a) Có tối thiểu 20% tổng số hộ trên địa bàn tham gia một trong các hoạt động hoặc các hoạt động ngành nghề nông thôn theo quy định tại Điều 3 của Quy định này.
- b) Hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định tối thiểu 02 năm liên tục tính đến thời điểm đề nghị công nhận.
- c) Đáp ứng các điều kiện bảo vệ môi trường làng nghề theo quy định của pháp luật hiện hành.

#### 3. Tiêu chí công nhận làng nghề truyền thống

Làng nghề truyền thống phải đạt tiêu chí làng nghề quy định tại khoản 2 Điều 5 Quy định này và có ít nhất một nghề truyền thống theo quy định tại khoản 1 Điều 5 của Quy định này.

### **Điều 6. Tiêu chí bản sắc văn hóa dân tộc để xem xét công nhận nghề truyền thống, làng nghề truyền thống**

Nghề tạo ra sản phẩm mang bản sắc văn hóa dân tộc phải đạt một trong ba yếu tố sau:

1. Tạo ra sản phẩm mang bản sắc văn hóa đại diện cho vùng miền và thể hiện tính riêng của địa phương.
2. Tạo ra sản phẩm thể hiện đời sống văn hóa tâm linh (tín ngưỡng, tôn giáo), văn hóa ẩm thực, phong tục tập quán, trang phục, lễ hội truyền thống, kho

tàng văn học nghệ thuật, sinh hoạt đời sống góp phần tạo nên diện mạo, bản sắc riêng tại địa phương.

3. Tạo ra sản phẩm mang hình ảnh, biểu tượng phản ánh di vật, cổ vật, danh lam thắng cảnh, di tích nổi tiếng tại địa phương.

### **Điều 7. Hồ sơ đề nghị công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống**

Hồ sơ đề nghị công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 6 Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn.

### **Điều 8. Trình tự xét công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống**

1. Trình tự xét công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống thực hiện cụ thể như sau:

a) Ủy ban nhân dân cấp huyện lập, gửi hồ sơ đề nghị công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống theo tiêu chí quy định tại Điều 7 Quy định này, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xét công nhận (qua Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) trước ngày 30 tháng 7 hàng năm.

b) Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập Hội đồng xét duyệt, chọn những đối tượng đủ tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 5, 6 Quy định này; trên cơ sở kết quả xét duyệt của Hội đồng thẩm định, UBND tỉnh xem xét quyết định và cấp bằng công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống.

c) Hội đồng xét công nhận cấp tỉnh tổ chức xét duyệt, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định công nhận trước ngày 30 tháng 10 hàng năm.

2. Việc xét công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống được tổ chức định kỳ 01 lần/năm.

3. Nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống sau khi được công nhận không đạt tiêu chí quy định sẽ bị thu hồi bằng công nhận. Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm tổng hợp danh sách, gửi Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) để xem xét, tham mưu quyết định thu hồi bằng công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống.

## **Chương III**

### **QUẢN LÝ VÀ PHÁT TRIỂN NGHỀ TRUYỀN THỐNG, CÁC LÀNG NGHỀ, NGÀNH NGHỀ NÔNG THÔN**

#### **Điều 9. Quản lý và phát triển làng nghề, làng nghề truyền thống**

1. Các nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống sau khi Ủy ban nhân dân tỉnh công nhận, được hưởng các chính sách khuyến khích phát triển ngành nghề nông thôn, áp dụng hỗ trợ thực hiện theo quy định tại Chương III và Chương IV của Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ về

phát triển ngành nghề nông thôn; chính sách ưu đãi về môi trường và các chính sách khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống được hỗ trợ bảo tồn và phát triển làng nghề theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 13 Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn.

3. Đối với các nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống được UBND tỉnh cấp bằng công nhận và được hỗ trợ kinh phí trực tiếp một lần vận dụng theo điểm b, khoản 1, điểm a, khoản 2 Điều 73 Nghị định số 91/2017 NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng. Nguồn kinh phí hỗ trợ từ Quỹ khen thưởng của tỉnh.

4. Đối với đầu tư, cải tạo, nâng cấp và hoàn thiện cơ sở hạ tầng làng nghề, làng nghề truyền thống gồm: Đường giao thông, điện, nước sạch; hệ thống tiêu, thoát nước; xây dựng trung tâm, điểm bán hàng và giới thiệu sản phẩm làng nghề: Ngoài được hưởng các chính sách tại Điều 14, Chương IV của Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định mức hỗ trợ đầu tư dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng làng nghề, làng nghề truyền thống theo quy định của Luật Đầu tư công; Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/04/2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản khác theo quy định hiện hành.

### **Điều 10. Quản lý và phát triển ngành nghề nông thôn**

Các cơ sở ngành nghề nông thôn được hưởng các chính sách khuyến khích phát triển ngành nghề nông thôn, thực hiện theo quy định tại khoản 4, Điều 9 của Quy định này; các Điều 7, 8, 9, 10, 11, 12, của Chương III của Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn và các chính sách khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

### **Điều 11. Nguồn kinh phí**

Được thực hiện từ nguồn Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững, Chương trình khuyến nông, khuyến công; ngân sách địa phương và các nguồn huy động hợp pháp khác.

## **Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **Điều 12. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Chi cục Phát triển nông thôn) là cơ quan chủ trì, tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước đối với nghề truyền thống, các làng nghề, ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh có quyền hạn, trách nhiệm:

1. Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các đề án, dự án, chương trình bảo tồn, kế hoạch phát triển nghề, làng nghề, ngành nghề nông thôn; hướng

dẫn, tổ chức triển khai, thực hiện, kiểm tra, giám sát đánh giá định kỳ hoặc đột xuất việc thực hiện các cơ chế, chính sách, quy hoạch, các đề án, dự án, chương trình bảo tồn, kế hoạch phát triển làng nghề, ngành nghề nông thôn.

2. Chỉ đạo xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình, kế hoạch, đề án, dự án hỗ trợ phát triển làng nghề, ngành nghề nông thôn; hỗ trợ các cơ sở làng nghề, ngành nghề nông thôn tham gia các hội chợ triển lãm trong nước và nước ngoài, hội thi các sản phẩm thuộc làng nghề, ngành nghề nông thôn nhằm quảng bá, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm theo kế hoạch hàng năm.

3. Tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định thành lập Hội đồng xét công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống trên địa bàn tỉnh; đồng thời là cơ quan thường trực của Hội đồng.

4. Chủ trì phối hợp với các Sở, ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức kiểm tra, đánh giá và thẩm định mức độ đạt các tiêu chí với hồ sơ đề nghị công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống; tham mưu cho Hội đồng xét công nhận báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định và cấp bằng công nhận; hàng năm phối hợp với các Sở, Ủy ban nhân dân cấp huyện rà soát, kiểm tra thực tế và tổng hợp tình hình hoạt động của các nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống đã được công nhận. Lập danh sách các nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống sau khi được công nhận không đạt các tiêu chí theo quy định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, thu hồi Bằng công nhận.

5. Xây dựng kế hoạch và tổng hợp dự toán kinh phí triển khai, thực hiện việc công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống và hỗ trợ phát triển làng nghề, ngành nghề nông thôn gửi Sở Tài chính tổng hợp vào phương án phân bổ ngân sách trong kế hoạch hàng năm, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

6. Tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định, quy định xét công nhận nghề nhân, thợ giỏi, người có công đưa nghề mới vào phát triển tại tỉnh. Phong tặng nghề nhân trong các nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống.

7. Định kỳ 6 tháng và hàng năm tổng hợp tình hình hoạt động, sản xuất kinh doanh của các làng nghề, cơ sở ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

### **Điều 13. Sở Công Thương**

1. Tổ chức thực hiện các hoạt động liên quan đến phát triển cụm công nghiệp, chương trình hỗ trợ đầu tư hạ tầng cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.

2. Triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình khuyến công, các hoạt động xúc tiến thương mại nhằm khuyến khích, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân tham gia phát triển sản xuất công nghiệp nông thôn, áp dụng sản xuất sạch hơn trong công nghiệp; hướng dẫn, tạo điều kiện để các nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống tham gia các hội chợ, triển lãm thương mại trong và ngoài nước.

#### **Điều 14. Sở Tài nguyên và Môi trường**

1. Hướng dẫn các thủ tục về giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho các cơ sở ngành nghề nông thôn theo quy định của pháp luật về đất đai.

2. Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện có liên quan tổ chức thực hiện kiểm tra, đánh giá, phân loại làng nghề theo mức độ ô nhiễm và xác nhận các làng nghề đáp ứng hoặc không đáp ứng đủ tiêu chí về bảo vệ môi trường theo các quy định hiện hành, phục vụ công tác xét công nhận và thu hồi Bằng công nhận hàng năm.

#### **Điều 15. Sở Kế hoạch và Đầu tư**

1. Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân cấp huyện tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí các nguồn lực, lồng ghép các chương trình dự án, Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới để hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng phát triển ngành nghề nông thôn, làng nghề, làng nghề truyền thống.

2. Tổ chức các chương trình hợp tác, xúc tiến đầu tư nhằm thu hút các nguồn vốn trong và ngoài nước liên kết đầu tư vào lĩnh vực phát triển ngành nghề nông thôn.

#### **Điều 16. Sở Tài chính**

Căn cứ khả năng cân đối ngân sách địa phương, phối hợp với các Sở, ngành liên quan tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí hàng năm theo phân cấp ngân sách hiện hành để triển khai thực hiện việc công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống và hỗ trợ phát triển làng nghề, ngành nghề nông thôn.

#### **Điều 17. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch**

1. Chủ trì phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn và thẩm định các nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống đề nghị công nhận đạt tiêu chí bản sắc văn hóa dân tộc theo quy định tại Điều 6 của Quy định này.

2. Chủ trì, hướng dẫn, giới thiệu với khách du lịch các điểm du lịch gắn với phát triển làng nghề trên địa bàn tỉnh; hỗ trợ tổ chức các lớp tập huấn kiến thức du lịch cộng đồng, kỹ năng giao tiếp cho các thành viên làng nghề để phục vụ cho khách du lịch tham quan, mua sắm; chỉ đạo vận động các cơ sở lưu trú du lịch, điểm tham quan du lịch trên địa bàn tỉnh nhận trưng bày, ký gửi tiêu thụ sản phẩm của làng nghề.

#### **Điều 18. Sở Khoa học và Công nghệ**

1. Xây dựng kế hoạch và bố trí kinh phí hỗ trợ ứng dụng khoa học và công nghệ cho lĩnh vực phát triển ngành nghề nông thôn trong kế hoạch hàng năm của tỉnh.

2. Hướng dẫn, quản lý công nghệ sản xuất, hạn chế việc đưa công nghệ cũ, lạc hậu vào làng nghề, cơ sở ngành nghề nông thôn và khu vực dân cư nông thôn.

3. Hướng dẫn trình tự, thủ tục hỗ trợ chuyển giao, đổi mới công nghệ và ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật tiên tiến, thân thiện với môi trường; hỗ trợ xây

dựng, đăng ký và bảo hộ, xác lập quyền sở hữu công nghiệp cho sản phẩm nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống.

### **Điều 19. Sở Lao động, Thương binh và Xã hội**

Hướng dẫn, kiểm tra, tổ chức thực hiện các chính sách hỗ trợ về đào tạo nghề, chú ý đào tạo nghề nhằm nâng cao tay nghề thợ thủ công và truyền nghề cho lao động nông thôn tại các làng nghề, cơ sở ngành nghề; hướng dẫn thực hiện các văn bản có liên quan đến lao động, giải quyết việc làm; triển khai, hướng dẫn đôn đốc thanh tra, kiểm tra việc thực hiện công tác an toàn, vệ sinh lao động tại các làng nghề, cơ sở ngành nghề.

### **Điều 20. Ủy ban nhân dân cấp huyện**

1. Thống nhất giao nhiệm vụ chủ trì, quản lý nhà nước đối với làng nghề, ngành nghề nông thôn ở cấp huyện cho Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc Phòng Kinh tế.

2. Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, địa phương hướng dẫn các làng nghề tổ chức thực hiện bảo vệ môi trường làng nghề theo quy định của pháp luật hiện hành. Thực hiện kiểm tra, rà soát các làng nghề sau khi được công nhận chưa đáp ứng các điều kiện về bảo vệ môi trường thì xây dựng kế hoạch thực hiện việc khắc phục.

3. Đẩy mạnh thực hiện các cơ chế, chính sách phát triển làng nghề, ngành nghề nông thôn đã được ban hành; triển khai quy hoạch, chương trình, kế hoạch phát triển làng nghề, ngành nghề nông thôn, Chương trình bảo tồn và phát triển làng nghề, phương án, dự án bảo vệ môi trường làng nghề.

4. Phối hợp với các Sở, ngành, tổ chức liên quan tạo điều kiện để các làng nghề, cơ sở ngành nghề nông thôn được thụ hưởng các chính sách của Nhà nước về khuyến khích phát triển làng nghề, ngành nghề nông thôn. Bố trí ngân sách hàng năm để hỗ trợ phát triển làng nghề, ngành nghề nông thôn.

5. Tăng cường công tác phổ biến, tuyên truyền phát triển làng nghề, ngành nghề nông thôn để các tổ chức, cá nhân có nhu cầu thực hiện các chương trình, đề án, dự án hoặc các hoạt động có liên quan đến phát triển ngành nghề nông thôn tiếp cận các nguồn lực, chính sách hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn.

6. Hàng năm, xây dựng kế hoạch, đề án, dự án hỗ trợ phát triển nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống, ngành nghề nông thôn trên địa bàn gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt trong kế hoạch phát triển nông nghiệp, nông thôn của tỉnh nhằm khai thác, phát huy ngành nghề lợi thế của địa phương gắn với xây dựng nông thôn mới và bảo vệ môi trường.

7. Ủy ban nhân dân cấp huyện xây dựng, tổng hợp dự toán kinh phí phát triển ngành nghề nông thôn vào dự toán ngân sách hàng năm của địa phương, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật. Ngoài nguồn kinh phí bố trí trực tiếp thực hiện chính sách này, các địa phương có trách nhiệm bố trí, cân đối thêm từ các nguồn kinh phí các chương trình, dự án khác và nguồn hỗ trợ từ các tổ chức quốc tế để hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn.



8. Chỉ đạo các phòng, ban liên quan phối hợp với Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn rà soát các nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống trên địa bàn đủ tiêu chí công nhận và tổ chức đánh giá cụ thể mức độ đạt các tiêu chí, lập hồ sơ đề nghị công nhận trình Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) xem xét, quyết định. Tổ chức công bố nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống sau khi được công nhận.

9. Hàng năm, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn rà soát, kiểm tra thực tế, đánh giá tình hình hoạt động của nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống đã được công nhận. Lập danh sách các nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống sau khi được công nhận không đạt tiêu chí quy định gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, thu hồi bằng công nhận.

10. Chỉ đạo phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc Phòng Kinh tế theo dõi tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh và phát triển của các nghề, làng nghề, ngành nghề nông thôn trên địa bàn, thu thập và tổng hợp số liệu báo cáo về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo định kỳ 06 tháng (trước ngày 10 tháng 6 hàng năm) và báo cáo năm (trước ngày 10 tháng 12 hàng năm) hoặc đột xuất khi có yêu cầu.

#### **Điều 21. Các Sở, ngành liên quan khác**

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ phối hợp với các Sở, ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện để thực hiện Quy định này.

#### **Điều 22. Điều khoản thực hiện**

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc cần điều chỉnh, bổ sung Quy định này các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện phản ánh kịp thời về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Mùa A Sơn**